

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST.

Ngày: 30.10.2020.

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và ông Lò Văn Pọm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Ông Giàng A Thái, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2019/TLST-DSTC ngày 25 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-DSTC ngày 11 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-DSTC ngày 30/9/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Ly Dũng K, sinh năm: 1956 và bà Lầu Thị L, sinh năm: 1958; địa chỉ đều ở: Bản C, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Người được ủy quyền của bà Lầu Thị L có: Ông Ly Dũng K, sinh năm: 1956; địa chỉ: Bản C, xã P, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K có: Bà Nguyễn Thị Thu H; Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Sìn Văn D; sinh năm 1982; địa chỉ: Bản N, xã R, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- UBND xã Rạng Đông; địa chỉ: Xã Rạng Đông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

Đại diện theo ủy quyền có: Bà Lò Thị T; cán bộ địa chính xã Rạng Đông. Có mặt.

- UBND xã Pú Nhung; địa chỉ: Xã Pú Nhung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

Đại diện theo ủy quyền có: Ông Vàng A C; cán bộ địa chính xã Pú Nhung. Có mặt.

- Chị Lò Thị H; sinh năm: 1984; địa chỉ: Bản N, xã R, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/12/2019 và bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào năm 1970 ông Ly Dũng K cùng gia đình đi khai hoang, cải tạo đất để có diện tích đất sản xuất nông nghiệp, thời điểm gia đình ông K đi khai hoang thì cũng có một số hộ dân cũng đi khai hoang trên khu vực đó. Đến năm 2000 khi ông K tách riêng hộ gia đình thì ông đã được bố mẹ chia cho diện tích hiện đang tranh chấp này. Từ khi khai hoang cho đến năm 2019 gia đình ông K sử dụng ổn định, liên tục, không xảy ra tranh chấp. Cũng năm 2000, khi ông đi công tác xa thì ở nhà vợ ông là bà Lầu Thị L đã kê khai diện tích đất đang tranh chấp này và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ông K thì diện tích đất tranh chấp thuộc thửa số 5, có địa danh là Mỏ Đá giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số..00054...QSDĐ/424/2000-QĐUB-UBND ngày 30/11/2000. Cho đến năm 2017 có đội tư vấn của huyện Tuần Giáo xác định địa giới hành chính theo văn bản 364 đề án 513 của Chính phủ thì xác định phần đất nương của ông K nằm bên phần đất do xã Rạng Đông quản lý, nên vào năm 2018 có anh Sìn Văn D đã lên diện tích đất tranh chấp có ý định tranh chấp đất nương với gia đình nhà ông K, tuy nhiên ông K không đồng ý nên anh D không tranh chấp. Đến năm 2019 lại tiếp tục đến tranh chấp nên ông K đã đề nghị chính quyền địa phương giải quyết. Quá trình chính quyền địa phương giải quyết thì có tiến hành đo vẽ diện tích đất của ông K, trong đó có diện tích đất tranh chấp. Do anh D vẫn tiếp tục tranh chấp với ông K nên ông K đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Sìn Văn D phải trả lại cho ông K tổng diện tích là 10.247,3m², tuy nhiên trong quá trình giải quyết, đo vẽ lại diện tích đất tranh chấp thì ông K rút một phần yêu cầu về diện tích đất, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Sìn Văn D trả lại cho ông Ly Dũng K và bà Lầu Thị L 1.562,7m²; đất hiện nay thuộc xã Rạng Đông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; đất tranh chấp có giá trị 30.000.000đ.

Tại phiên tòa ông K không bổ sung ý kiến và nhất trí như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa bị đơn trình bày: Diện tích đất đang tranh chấp là diện tích mà bố mẹ của chị Lò Thị H cho vợ chồng anh D vào năm 2002. Diện tích đất này gia đình đã khai hoang từ năm 1970 để trồng cây thuốc phiện, nhưng trồng được 02 năm thì không được trồng cây thuốc phiện nữa nên gia đình bỏ hoang, do thấy nhiều cỏ mọc nên gia đình không phát cỏ để sử dụng từ đó cho đến năm 2003 có lên định phát cỏ thì gia đình ông K không cho phát, thời điểm đó đã có chính quyền địa phương, cấp huyện vào giải quyết, thời điểm đó huyện quyết định cho nhà ông K sử dụng nên gia đình tôi không tranh

chấp nữa. Đến năm 2006 tôi lại lên phát cỏ trên phần diện tích đất tranh chấp này nhưng nhà ông K không đồng ý nên gia đình tôi cũng thôi không phát nữa. Đến năm 2018 tôi lại lên có ý định phát cỏ để làm nương ngô nhưng nhà ông K không đồng ý nên tôi cũng dừng lại, cho đến năm 2019 tôi đã lên phát cỏ nhưng nhà ông K đốt phần cỏ khô và sử dụng đất trồng lương thực dẫn đến tranh chấp. Diện tích đất đang tranh chấp bố vợ anh Sìn Văn D là ông Lò Văn C (H) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; số.....00842....QSĐĐ/184/QĐ-UBND ngày 24/8/2001 của Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Anh Sìn Văn D không biết thửa đất đang tranh chấp nằm ở thửa đất nào trong Giấy chứng nhận đã được cấp cho ông Lò Văn C. Đến nay ông K yêu cầu anh Sìn Văn D trả lại diện tích 1.562,7m²; đất hiện nay thuộc xã R, huyện T, tỉnh Điện Biên; đất tranh chấp có giá trị 30.000.000đ, anh D không đồng ý.

Ngày 10/8/2020 Tòa án cùng các cơ quan chuyên môn, đã tiến hành xem xét tại chỗ đối với diện tích tranh chấp; các đương sự đã thống nhất kết quả xem xét tại chỗ như sau: Diện tích đất nương đang tranh chấp giữa các bên đương sự (có dạng hình đa giác) tọa lạc tại khu vực có tên địa danh là Thảm Ôm (Theo tiếng dân tộc Kháng), địa danh Khó Chua Đề (Theo tiếng dân tộc Mông), thuộc quản lý của xã Rạng Đông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, diện tích đo thực tế tại thực địa là 1.562,7 m², (đo bằng máy GPS cầm tay). Có các mặt tiếp giáp từ điểm Từ điểm 4.09 đến điểm 16.34 -> điểm 5.96 -> điểm 11.26 -> điểm 8.9 -> điểm 9.33 -> điểm 4.3 là giáp với phần đất ông Ly Dũng K; từ điểm 4.3 đến điểm 26.56 -> điểm 21.66 giáp với đất ông Ly Dũng K; từ điểm 21.66 đến điểm 43.17 -> điểm 31.7 -> điểm 16.34 giáp đất rừng. Từ điểm 21.66 đến điểm 16.34 là phần đất rừng. Hiện trạng trên đất tranh chấp xem xét thực địa tại chỗ: Toàn bộ diện tích đất tranh chấp đang bỏ hoang mọc cỏ dại.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại Cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai là UBND huyện Tuần Giáo, tại văn bản số: 1303/UBND-TNMT ngày 11/9/2020 của UBND huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên và ngày 01/7/2020 UBND huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên cũng đã cung cấp cho Tòa án toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ly Dũng K.

Tại phiên tòa đại diện UBND xã Rạng Đông trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, phía UBND xã cũng đã phối hợp với UBND xã Pú Nhung để hòa giải trong nhân dân. Do quá trình hòa giải các bên không thống nhất được nên đã yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình Tòa án giải quyết, với chức năng nhiệm vụ của UBND xã Rạng Đông trong việc giúp UBND huyện Tuần Giáo quản lý đất thì thấy, qua rà soát sổ địa chính cấp quyền sử dụng đất thì tại UBND xã Rạng Đông có 03 quyền sở cấp theo Quyết định số 499-QĐ/ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục địa chính thì không có ai tên là Sìn Văn D; trú tại bản Noong Luông, xã Rạng Đông được cấp quyền sử dụng đất tại khu vực Noong Luông là đất nương rẫy.

Tại Phiên tòa đại diện UBND xã Pú Nhung trình bày: Tại khu vực có đất tranh chấp là khu vực mà người dân bên bản Chua Lú, xã Pú Nhung lên đó khai hoang lâu đời. Người dân lên khai hoang, cải tạo đất để trồng cây lương thực. Năm 2003 tại khu vực này có xảy ra tranh chấp một số hộ gia đình bên bản Chua Lú, xã Pú Nhung và một số hộ gia đình bên bản Noong Luông, xã Rạng Đông (Trước đây là xã Phình Sáng). Thời điểm năm 2003 đã có chính quyền 02 xã và lãnh đạo UBND huyện Tuần Giáo vào giải quyết. Kết quả giải quyết là nhân dân xã Pú Nhung được tiếp tục sử dụng đất để sản xuất. Đến năm 2008 lại tiếp tục có một số hộ khác không phải là những hộ dân trước đây đã từng tranh chấp với các hộ đã từng bị tranh chấp đất ở bản Chua Lú, xã Pú Nhung đến tranh chấp đất, nhưng sau khi giải quyết thì người dân xã Pú Nhung được tiếp tục sử dụng đất để canh tác và sản xuất. Nguyên nhân dẫn đến xảy ra tranh chấp đồng người như vậy là do điều chỉnh địa giới hành chính theo bản đồ 364 gắn với thực địa, dẫn đến việc những người dân ở bản Noong Luông, xã Rạng Đông cho rằng đất nương những người dân bên bản Chua Lú, xã Pú Nhung sử dụng là đất của Noong Luông, Rạng Đông nên người dân Noong Luông mới nảy sinh ý định tranh chấp. Đến năm 2017, theo Quyết định 513 về rà soát, điều chỉnh địa giới hành chính giữa các xã, nên nhân dân bên bản Noong Luông lấy lí do đó lại tiếp tục tranh chấp đất sản xuất của nhân dân bên bản Chua Lú, xã Pú Nhung. Theo chúng tôi thấy rằng về quy định của Luật đất đai thì các hộ dân có quyền xen canh; việc đặt ra ranh giới; địa giới hành chính chỉ mang tính chất dễ quản lý ổn định theo phân cấp. Việc sử dụng đất của người dân phải căn cứ vào nguồn gốc khai phá, quản lý và sử dụng ổn định, liên tục, lâu dài của người dân. Do đó tại phiên tòa đề nghị HĐXX xem xét, buộc hộ gia đình anh Sìn Văn D phải chấp dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Ly Dũng K. Theo rà soát sổ địa chính hiện nay UBND xã Pú Nhung quản lý, thì diện tích đang tranh chấp nằm trong tổng thể diện tích đất gia đình ông Khá đang sử dụng, có từ căn mô tả như trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ có lệch nhau về địa danh, tuy nhiên thực tế diện tích đất tranh chấp ở khu vực hang đá có nước, quá trình kê khai người dân không biết mô tả tiếng phổ thông nên kê khai tên là mỏ đá.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đưa ra luận cứ và đề nghị: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 5 Luật Đất đai năm 1993; Điều 12, Điều 15 Luật Đất đai năm 2003; Điều 9, Điều 12, Điều 100, Điều 101, Điều 166; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 20, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 163, Điều 164 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 71, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, công nhận quyền sử dụng đất 1.562,7m² của gia đình ông Ly Dũng K; buộc gia đình ông Sìn Văn D phải chấm dứt hành vi tranh chấp. Áp dụng Điều 155, 156, 157, 158 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, đề nghị HĐXX buộc bị đơn hoàn trả tạm ứng chi phí giám

định cho nguyên đơn. Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho đương sự.

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Không vi phạm tố tụng, thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Do đó xét về nguồn gốc, vị trí, đặc điểm và quá trình sử dụng đất, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 166, 170, 179 của Luật đất đai 2013; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 20, 21 Nghị định 43/2014; Điều 179, 189 BLDS 2015; Điều 147, 156, 157, 158, 169, 215, 216 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ly Dũng K, bà Lầu Thị L; tuyên trả lại 1.562,7m² đất nương tại khu vực Khó Chua Đề cho gia đình ông Ly Dũng K và bà Lầu Thị L được quyền quản lý và sử dụng đúng theo quy định của pháp luật, đề nghị đình chỉ giải quyết đối với 8.684,6m² do ông Ly Dũng K đề nghị xin rút một phần yêu cầu, đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho đương sự, về chi phí tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là quan hệ Tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Đối với diện tích tranh chấp thì thấy từ những năm 1970 hộ gia đình ông Ly Chồng D chính là bố đẻ của ông Ly Dũng K đã khai hoang, cải tạo đất để sử dụng và cũng chính ông Ly Dũng K là người cùng gia đình khai hoang để cùng sản xuất lương thực phục vụ gia đình và sử dụng ổn định từ năm 1970 cho đến thời điểm xảy ra tranh chấp vào năm 2018 - 2019 gần đây với anh Sìn Văn D. Cũng xét đến quá trình sử dụng đất của hộ gia đình ông C là bố vợ anh D, theo lời khai của anh D gia đình chỉ sử dụng 02 năm đầu từ khi khai hoang năm 1970, từ đó cho đến xảy ra tranh chấp không sử dụng và canh tác; như vậy qua lời khai của anh D thì xác định hộ gia đình anh D không có quá trình sử dụng ổn định, liên tục đối với diện tích đất đang tranh chấp. Đồng thời trong quá trình giải quyết hòa giải tại xã thì diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông Ly Dũng K là 10.247,3m², nhưng khi tiến hành xem xét tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện

Tuần Giáo thì anh D cầm cọc và chỉ diện tích đất tranh chấp với ông Ly Dũng K nằm ở giữa diện tích đất ông Khả đang quản lý và sử dụng. Như vậy, việc ông C (Bố vợ anh D) sử dụng đất cùng thời điểm với hộ gia đình nhà ông Ly Chồng D (Bố ông K) vào khoảng thời gian từ năm 1970 - 1972 như vậy diện tích đất hộ gia đình nhà ông C sẽ nằm giữa bao quanh là diện tích ông Chồng D khai hoang, sử dụng như vậy không phù hợp với lẽ thông thường sử dụng đất. Ngoài ra anh Sìn Văn D cho rằng, giữa hộ ông K và anh D có xảy ra tranh chấp nhiều lần đó là vào các năm 2003 - 2006 - 2019. Vào năm 2003 đã có chính quyền địa phương giải quyết và có biên bản làm việc, tuy nhiên qua quá trình thu thập tài liệu chứng cứ và xác nhận của UBND xã Pú Nhung thấy rằng hộ gia đình ông K chưa từng tranh chấp đất với bất cứ hộ nào ở bản Noong Luông, xã Rạng Đông đang cùng tranh chấp đất với các hộ khác ở bản Chua Lú, xã Pú Nhung; ngoài lời khai của anh D thì anh D cũng không cung cấp chứng cứ nào về việc xảy ra tranh chấp giữa anh D và ông K. Do vậy, việc cho rằng diện tích đất đang tranh chấp đã từng xảy ra tranh chấp giữa anh D và ông K là không chính xác. Qua đó thấy rằng việc ông K sử dụng đất là ổn định, không có tranh chấp. Qua quá trình khai hoang, cải tạo, sử dụng ổn định, liên tục, lâu dài của hộ gia đình nhà ông Ly Dũng K phù hợp với quy định tại Điều 20, 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Quá trình giao đất: Trong quá trình giải quyết vụ án, để xác định các bên đã đăng ký quyền sử dụng đất của các đương sự và tại văn bản số: 1303/UBND-TNMT ngày 11/9/2020 của UBND huyện Tuần Giáo đã trả lời: “...Ngoài diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên, diện tích còn lại 1.562,7m² hiện trạng tại thời điểm xem xét tại chỗ ngày 10/8/2020 là đất nương rẫy; qua xem xét, thẩm định tại chỗ đối chiếu với hồ sơ liên quan thì không xác định được phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa vì cả hai đều cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên:

+ Thừa đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Ly Dũng K bản Chua Lú, xã Pú Nhung cấp theo hình thức kê khai không tiến hành đo đạc và giao đất thực địa, tứ cận thửa đất không khớp với hồ sơ quản lý.

+ Thừa đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Sìn Văn D cấp theo chương trình Quyết định số 520/QĐ-UB ngày 28/6/1999 của UBND tỉnh Lai Châu (Cũ) có đo đạc ngoài thực địa nhưng sau khi kiểm tra, đo đạc ngoài thực địa đối chiếu với hồ sơ, bản đồ thì hình thể, tứ cận, giáp ranh thửa đất ngoài thực địa không khớp với hồ sơ quản lý...”. Do đó việc các bên cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khai rằng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng theo trả lời của cơ quan chức năng thì thửa đất đang tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên HĐXX không thể xác định diện tích đất đang tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các đương sự mà chỉ xem xét về quá trình sử dụng thực tế của các đương sự.

Từ những nhận định trên HĐXX thấy rằng, hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất của anh Sìn Văn D là không có căn cứ, việc sử dụng đất và quản lý đất của hộ gia đình ông Ly Dũng K là đúng với quy định và phù hợp với quy định tại, Điều 9, Điều 100, Điều 101, Điều 166, Điều 179, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 20, 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 688, Điều 192 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 197 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Trong vụ án này, ban đầu ông Ly Dũng K và bà Lâu Thị L yêu cầu giải quyết buộc anh Sìn Văn D trả lại tổng diện tích là 10.247,3m²; tuy nhiên trong quá trình tiến hành xem xét tại chỗ thực tế sử dụng đất và diện tích đất tranh chấp thì đến ngày 25/8/2020 ông K đã rút một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu giải quyết buộc anh D trả lại diện tích đất là 1.562,7m². Việc ông K rút một phần yêu cầu và anh D cũng nhất trí là hoàn toàn trên sự tự nguyện của các đương sự, HĐXX đình chỉ giải quyết đối với diện tích đất 8.684,6m², thuộc khu vực có tên địa danh là Khó Chua Đề (Theo tiếng dân tộc Mông), Thắm Ồm (Theo tiếng dân tộc Kháng); phần diện tích đất này một phần thuộc diện tích đất của xã Pú Nhung, một phần đất thuộc diện tích đất của xã Rạng Đông.

[4] Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ly Dũng K đưa ra đề nghị Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp vì vậy cần chấp nhận.

[5] Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu của ông Ly Dũng K và bà Lâu Thị L được chấp nhận nên anh Sìn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của Pháp luật. Tuy nhiên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh D đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm nên xét thấy đủ điều kiện nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Sìn Văn D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 688, Điều 192 BLDS năm 2005; Điều 197 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5 Luật đất đai năm 1993; Điều 2, Điều 5, Điều 11 Luật đất đai năm 2003; Điều 9, Điều 101, Điều 165, Điều 166, Điều 170; Điều 179; khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 20, Điều 21 Nghị định 43/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai; khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

2. Tạm giao cho ông Ly Dũng K, bà Lầu Thị L tiếp tục sử dụng và quản lý đối với diện tích đất nương 1.562,7m² được mô tả cụ thể như sau: Diện tích đất nương đang tranh chấp giữa các bên đương sự (có dạng hình đa giác) tọa lạc tại khu vực có tên địa danh là Thảm Ôm (Theo tiếng dân tộc Kháng), địa danh Khó Chua Đề (Theo tiếng dân tộc Mông), thuộc quản lý của xã Rạng Đông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, có các mặt tiếp giáp từ điểm Từ điểm 4.09 đến điểm 16.34 -> điểm 5.96 -> điểm 11.26 -> điểm 8.9 -> điểm 9.33 -> điểm 4.3 là giáp với phần đất ông Ly Dũng K; từ điểm 4.3 đến điểm 26.56 -> điểm 21.66 giáp với đất ông Ly Dũng K; từ điểm 21.66 đến điểm 43.17 -> điểm 31.7 -> điểm 16.34 giáp đất rừng. Ông Ly Dũng K và bà Lầu Thị L có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ thủ tục hành chính của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật. *(Kèm theo sơ đồ trích đo ngày 10/8/2020).*

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ly Dũng K và bà Lầu Thị L đối với yêu cầu khởi kiện 8.684,6m², thuộc khu vực có tên địa danh là Khó Chua Đề (Theo tiếng dân tộc Mông), Thảm Ôm (Theo tiếng dân tộc Kháng); phần diện tích đất này một phần thuộc diện tích đất của xã Pú Nhung, một phần đất thuộc diện tích đất của xã Rạng Đông.

3. Án phí: Anh Sìn Văn D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí tố tụng: Anh D phải chịu chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*); do trước đó ông K đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên anh D có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Ly Dũng K số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30/10/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- PKTNV và THA;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- THADS huyện Tuần Giáo;
- Đương sự;
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

